

Lời giới thiệu

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có một chuỗi thời gian 8 tháng đầu năm hoạt động sôi nổi và tăng trưởng vượt qua sự mong đợi của nhà đầu tư. Các kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm cũng cho một bức tranh với nhiều gam màu sáng và kỳ vọng cho chu kỳ 6 tháng cuối năm tăng trưởng hơn. Với nhiều chính sách hỗ trợ và mở rộng thị trường sắp tới chúng ta có thể kỳ vọng chỉ số Vnindex sẽ còn bức phá xa hơn sau khi chạm mốc lịch sử 680 vào tháng 7 vừa qua.

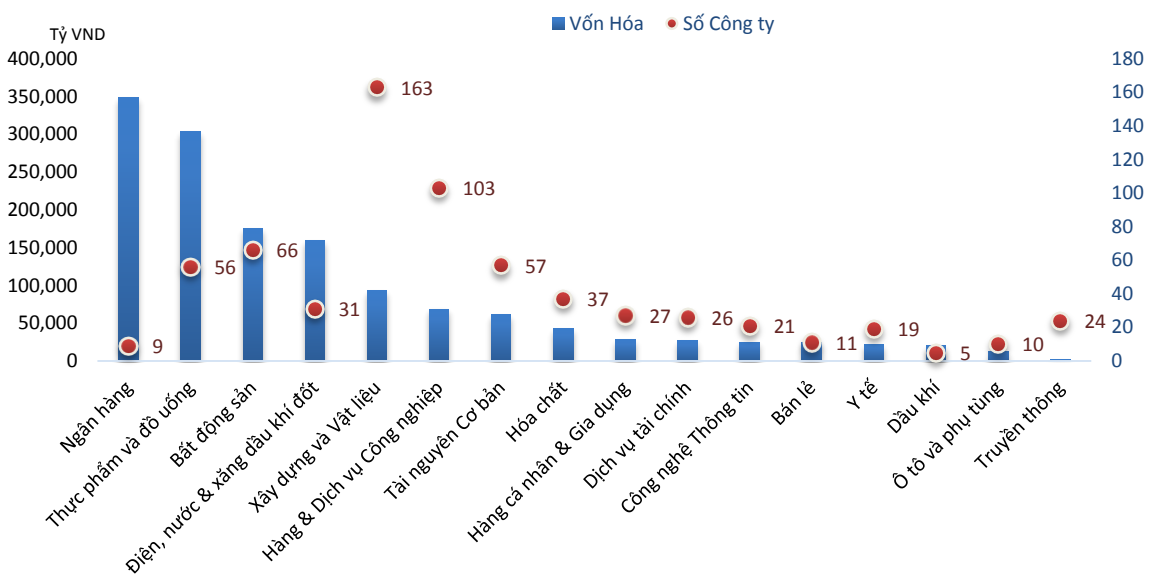
Các thống kê trong báo cáo bên dưới tổng hợp lại các giai đoạn giao dịch thị trường những năm gần nhất cùng kết quả kinh doanh các doanh nghiệp 6 tháng đầu năm. Chúng tôi sẽ liên tục cập nhật và bổ sung thêm vào các ấn bản sau phục vụ mục tiêu tham khảo và nghiên cứu của nhà đầu tư.

T8.2016

Các ngành chiếm chi phối trong vốn hóa thị trường là ngân hàng, dầu khí và bất động sản

- Có 688 doanh nghiệp niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX tính đến 15/8/2016. Với tổng giá trị vốn hóa 1.48 triệu tỷ VND tương đương 66.3 tỷ USD. Ngành Vật Liệu Xây Dựng với 163 doanh nghiệp có số lượng niêm yết nhiều nhất nhưng chỉ chiếm vốn hóa khoảng 4.9% toàn thị trường trong khi đó ngành ngân hàng chỉ có 9 doanh nghiệp niêm yết nhưng chiếm đến 24.7% và ngành thực phẩm đồ uống với 56 doanh nghiệp chiếm 21.5% vốn hóa.
- Ngành bất động sản với 66 doanh nghiệp đứng hàng thứ 3 về vốn hóa và có sức ảnh hưởng lớn đến thị trường chỉ sau nhóm ngân hàng.

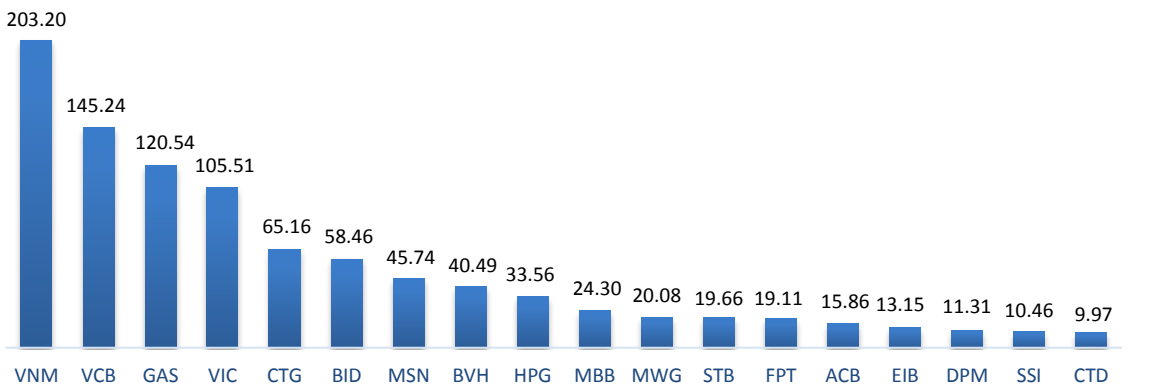
Biểu đồ 1: Vốn hóa phân bổ theo ngành của hai sàn HOSE và HNX



18 doanh nghiệp hàng đầu đã có sự tăng trưởng vốn hóa 18.5% so với đầu năm

- So với đầu năm, một số doanh nghiệp đã rơi khỏi top đứng đầu vốn hóa thị trường như HNG (từ 20.5 nghìn tỷ còn 5.5 nghìn tỷ), các doanh nghiệp có sự tăng trưởng mạnh về vốn hóa từ đầu năm là GAS, MWG, HPG, VNM.

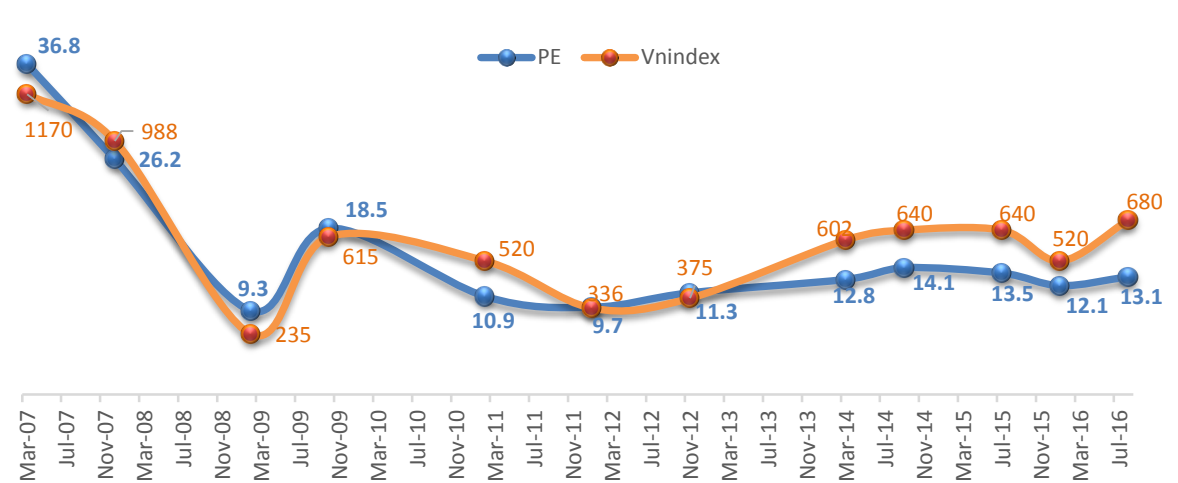
Biểu đồ 2: Top cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thị trường (nghìn tỷ VND)



PE đang ở đâu khi chỉ số Vnindex chạm đỉnh cao nhất sau 8 năm?

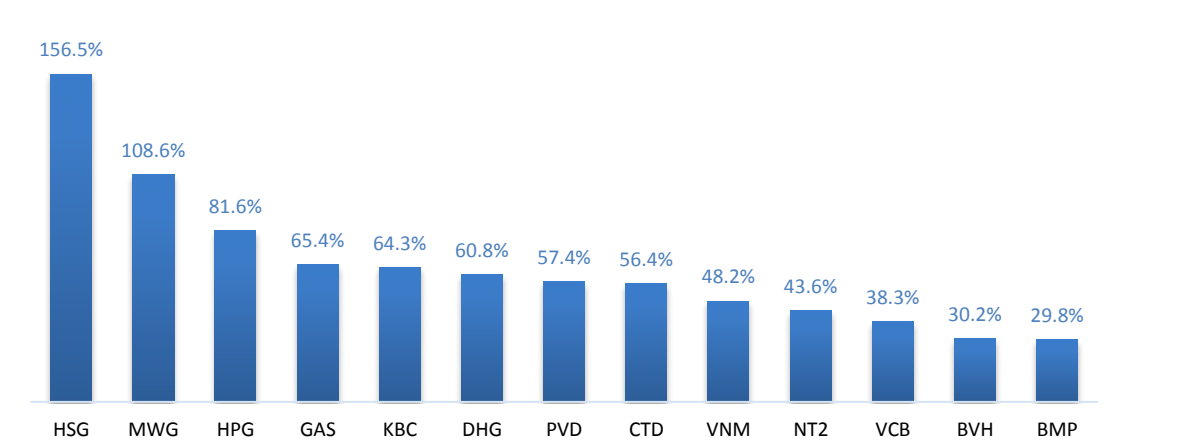
- Thị trường chứng khoán VN bùng nổ đạt đỉnh cao nhất vào 2007 với 1170 điểm. PE vào thời điểm đó vào khoảng 37. Sau giai đoạn khủng hoảng 2008 chỉ số Vnindex đã rơi xuống ngưỡng thấp 236 và dần đi vào ổn định từ năm 2012. Trong 3 năm gần nhất chỉ số đi ngang trong biên độ 510 – 640 nhưng đã có những dấu hiệu tăng trưởng bức phá sau khi đạt đỉnh mới vào tháng 7 vừa qua.
- PE thị trường trong 2 năm gần đây nằm trong khoảng 12-14 và hiện tại đang xoay quanh giá trị 13. Như vậy kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm đã phản ánh giá trị doanh nghiệp tăng lên vì vậy dù mức tăng giá cổ phiếu khá cao thì PE trung bình thị trường vẫn ở mức thấp hơn so với nhiều dự báo trước đây.

Biểu đồ 3: PE của Vnindex từ đỉnh cao 2007 đến nay



- So với đầu năm nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đều tăng trung bình 40% và chỉ có MSN là giảm - 16%. Mức tăng trung bình ở các cổ phiếu blue chip lên đến trên 50%. Những cổ phiếu có mức tăng ấn tượng nhất có thể kể HSG, MWG, HPG, GAS, KBC, DHG, PVD, CTD và VNM. Trong nhóm này những cổ phiếu như VNM, VCB, GAS có vốn hóa lớn vì vậy đẩy chỉ số Vnindex chạy nhanh hơn.

Biểu đồ 4: Top cổ phiếu blue chip tăng giá nhiều nhất từ đầu năm



PE của nhóm cổ phiếu lớn

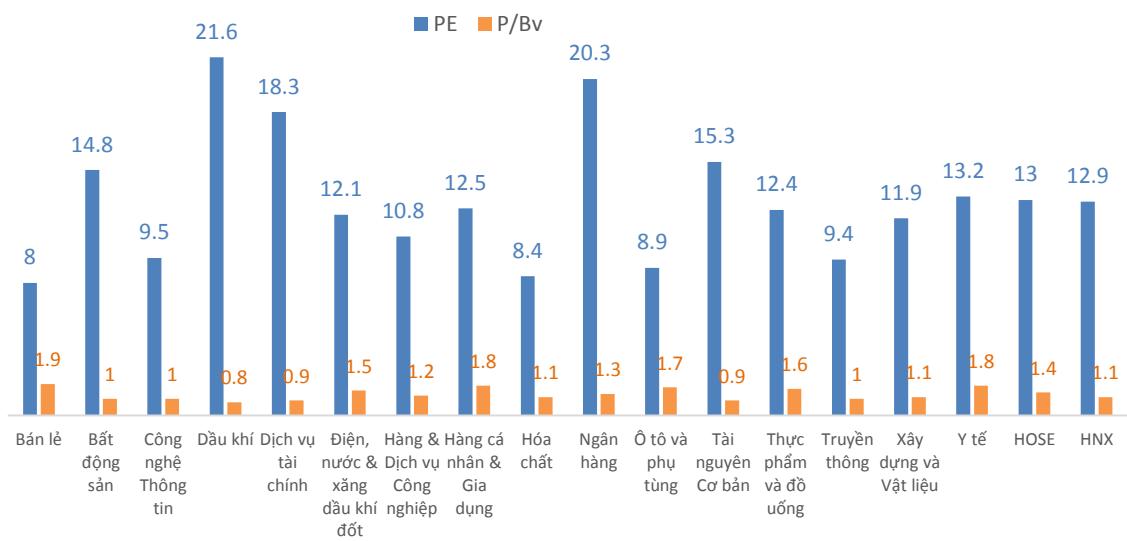
- Trong danh sách 25 cổ phiếu blue chip có hoạt động kinh doanh ổn định và vốn hóa lớn chi phối thị trường trong 2 năm vừa qua, nếu loại trừ một số cổ phiếu có biến động PE quá lớn làm mất ý nghĩa so sánh như MSN, STB thì theo thống kê ở các lần Vnindex chạm đỉnh 640 trong quá khứ cho thấy chỉ số PE trung bình của nhóm này ở mức trung bình 15.5. Hiện nay PE trung bình của Top25 đã vượt khá xa đến 18.5 do một số cổ phiếu biến động mạnh như VNM, GAS, VIC, PNJ, MWG.
- Điều này cho thấy rõ ràng chỉ số Vnindex tăng mạnh trong năm nay phần lớn đến từ các cổ phiếu lớn là chính và xu hướng chung hoạt động đầu tư của thị trường đang hướng vào nhóm cổ phiếu này so với trước đây có sự phân bổ đều vào các nhóm cổ phiếu trung bình và nhỏ.

		PE trung bình	13.1	12.9	12.1	13.47	14.1
		Vnindex	660	555	522	638	640
		PE top25	17.8	15.46	13.30	15.70	15.50
	Vốn hóa (Tỷ VND)		P/E 2016-08	P/E 2016-04	P/E 2016-01	P/E 2015-07	P/E 2014-09
VNM	176,421		21.07	20.69	18.30	18.92	18.29
VCB	143,911		23.91	20.51	19.76	29.89	16.40
GAS	122,454		16.70	8.98	4.63	8.74	20.47
VIC	117,351		74.70	71.60	66.42	32.39	18.29
CTG	69,628		10.93	10.78	10.36	14.07	9.71
BID	63,246		9.93	8.85	7.91	14.11	10.25
MSN	51,035		29.10	35.09	26.79	59.59	
BVH	42,530		37.05	29.74	25.07	33.97	25.78
HPG	29,754		7.71	6.14	5.49	7.12	10.24
MBB	25,283		8.53	7.40	6.23	7.56	7.04
STB	21,464		28.46	13.47	7.70	9.80	8.08
FPT	19,568		10.52	9.62	10.35	10.86	12.30
MWG	20,087		15.41	9.78	10.39	13.61	32.74
HT1	9,952		15.71	10.55	10.99	12.39	327.22
DPM	11,544		7.94	7.35	7.79	10.28	9.90
SSI	11,281		12.63	11.79	12.96	17.58	17.11
PVD	10,094		8.28	4.69	3.16	7.24	12.40
NT2	9,743		10.18	7.63	6.29	4.25	-0.44
CTD	9,967		11.26	11.77	11.99	9.76	9.23
HSG	8,235		8.02	6.21	5.05	8.70	13.41
DHG	8,042		12.78	12.57	10.07	12.32	13.46
PNJ	6,879		42.36	30.97	19.32	14.05	10.94
KBC	7,892		13.96	9.59	9.65	13.27	24.74
BMP	7,549		12.79	12.62	10.83	9.06	8.89
CII	7,076		12.20	8.11	4.74	12.45	22.14

PE và P/Bv các ngành ngân hàng và dầu khí khá cao

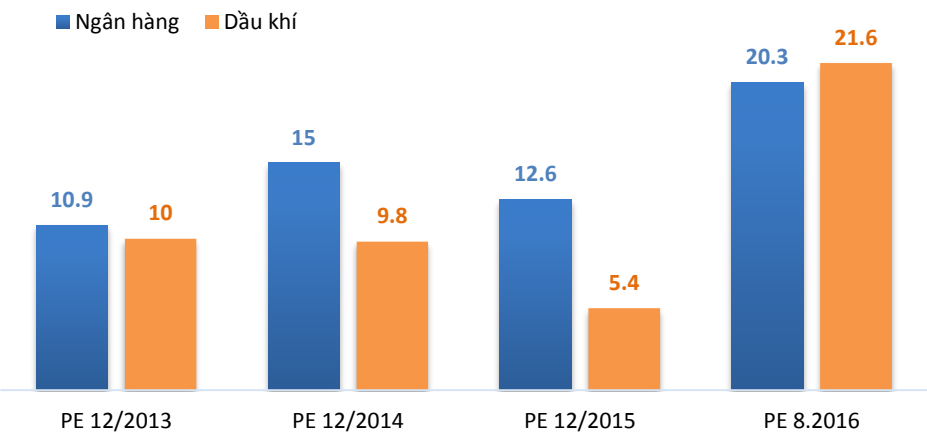
- PE chung của các ngành hầu hết đều ở mức bình quân trên 12, riêng PE ngành dầu khí đang ở mức khá cao 21 do một số doanh nghiệp đã gần sát ngưỡng lỗ như PVB, PVC. Ở nhóm ngân hàng chỉ có một số ngân hàng có PE cao như STB, NVB, EIB (lỗ) còn lại MBB, CTG, BID vẫn có PE dưới 10.
- Các nhóm ngành đang là tâm điểm chú ý của nhà đầu tư hiện tại là ngành tài nguyên (chủ yếu là ngành thép), bất động sản, xây dựng, y tế và bán lẻ.

Biểu đồ 5: PE và P/Bv các ngành tại thời điểm 8.2016 (đã cập nhật KQ Q.2)



- Hai nhóm ngành lớn ngân hàng và dầu khí đều có PE rất cao so với các năm trước đặc biệt là ngành dầu khí với lợi nhuận sụt giảm mạnh. Giá của các cổ phiếu dầu khí hầu như đã giảm 50%-70% so với trước đây nhưng PE vẫn khá cao.
- Nếu chỉ xét về thị giá thì so với năm ngoái nhóm cổ phiếu ngân hàng ngoài VCB tăng nhẹ thì còn lại đều không biến động lớn trừ một số cổ phiếu như STB, EIB, SHB giảm hơn 20%.

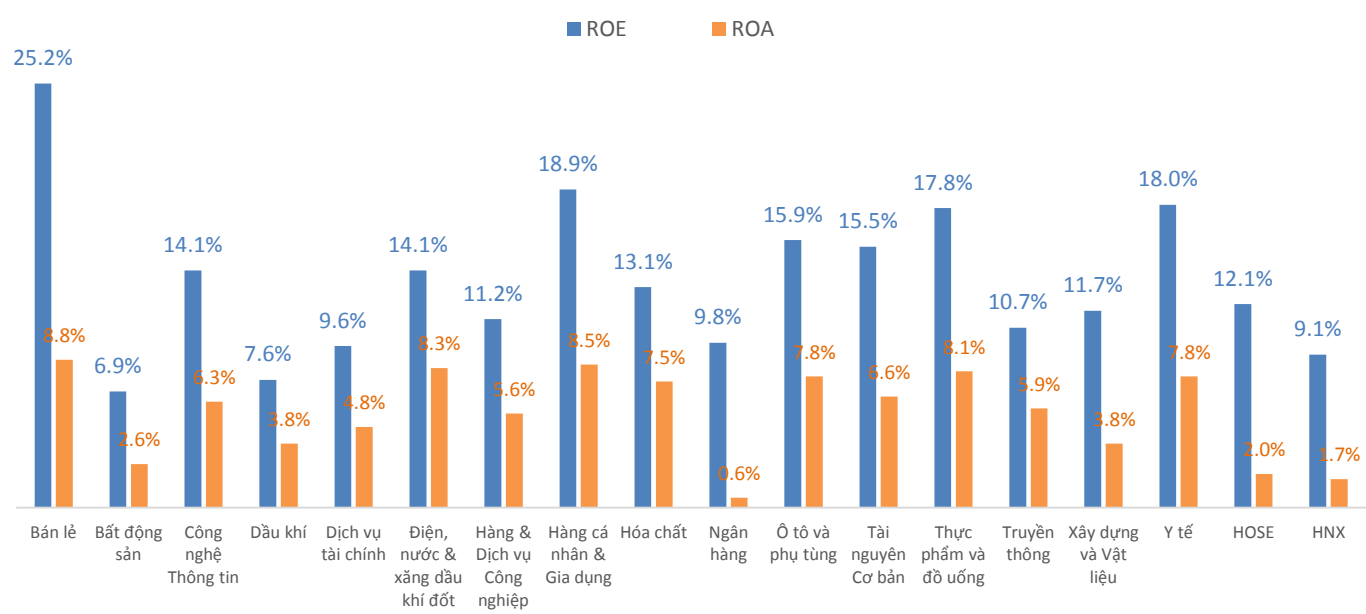
Biểu đồ 6: PE của hai ngành ngân hàng và dầu khí từ 2013 đến nay



ROE và ROA các ngành

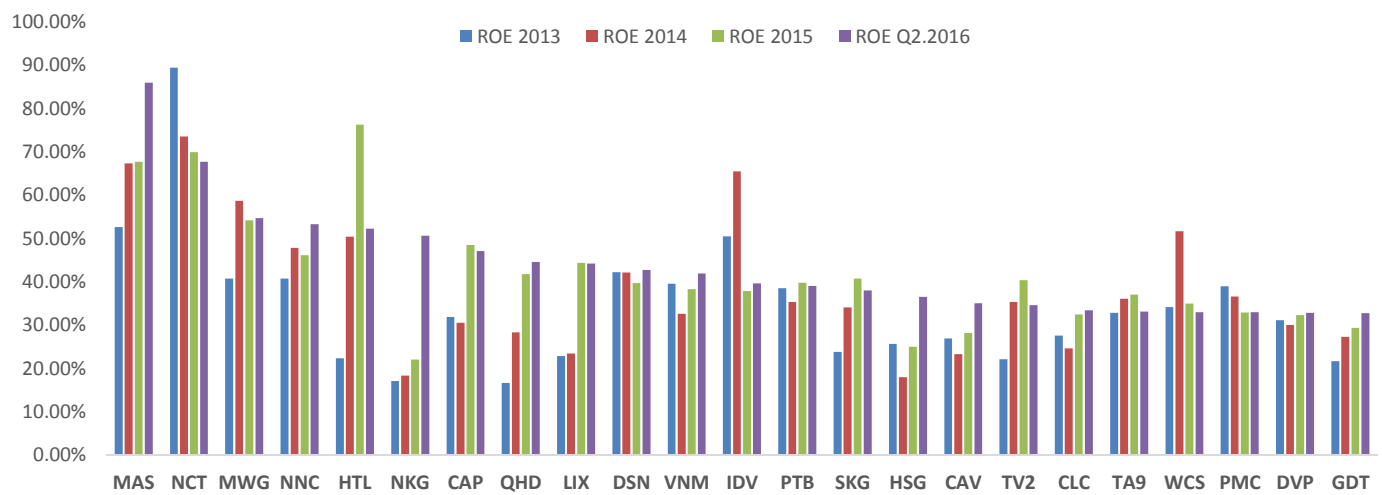
- Nếu xem mỗi ngành là một doanh nghiệp lớn thì chỉ số ROE và ROA của ngành được tính dựa trên tử số là lợi nhuận của các công ty trong ngành chia cho mẫu số tương ứng sẽ có chỉ số ROE và ROA. Một số doanh nghiệp có lợi nhuận lớn sẽ chi phối hầu như các cổ phiếu còn lại trong ngành trong trường hợp này là MWG, BVH, VIC, MSN, VNM.
- Các cổ phiếu thuộc nhóm ngành **bán lẻ, y tế, thực phẩm, hàng cá nhân** có ROE rất cao và đại diện những doanh nghiệp hàng đầu này là PMC, TRA, DHG, VNM, MWG.

Biểu đồ 7: ROE và ROA các ngành Q2.2016



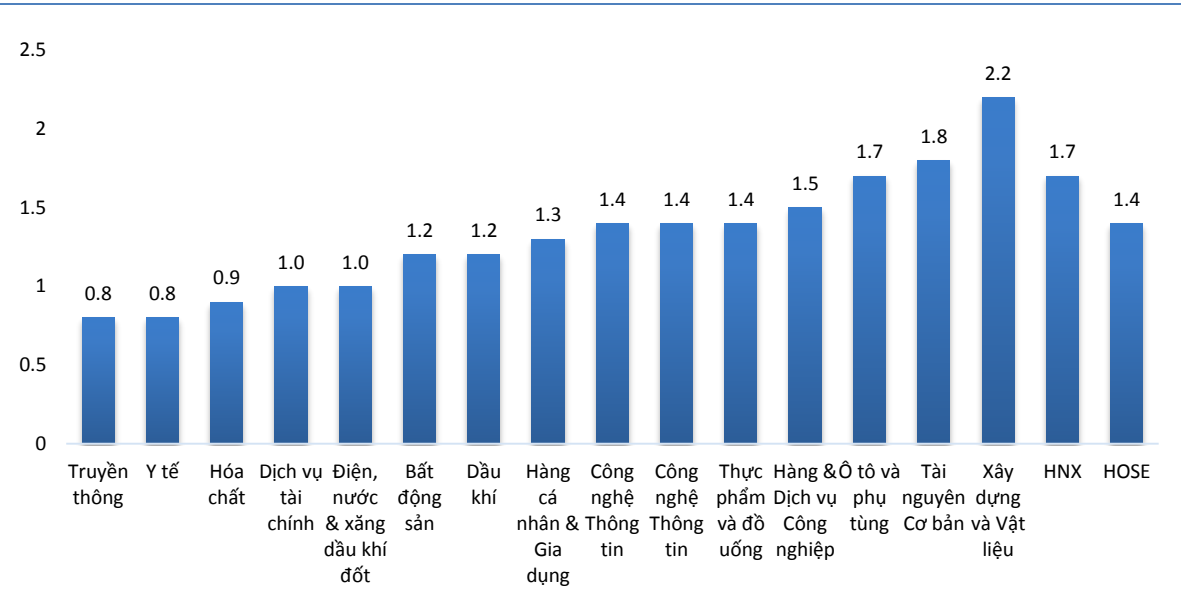
- Một số doanh nghiệp có ROE cao và giữ ổn định hàng năm thuộc các nhóm ngành bán lẻ, dịch vụ, thực phẩm như NCT, MWG, VNM, NNC, SKG. Nhóm ngành thép có HSG, NKG có sự tăng trưởng nổi bật trong năm nay.

Biểu đồ 8: Một số CP tiêu biểu có ROE trên 20% trong 4 năm từ 2013



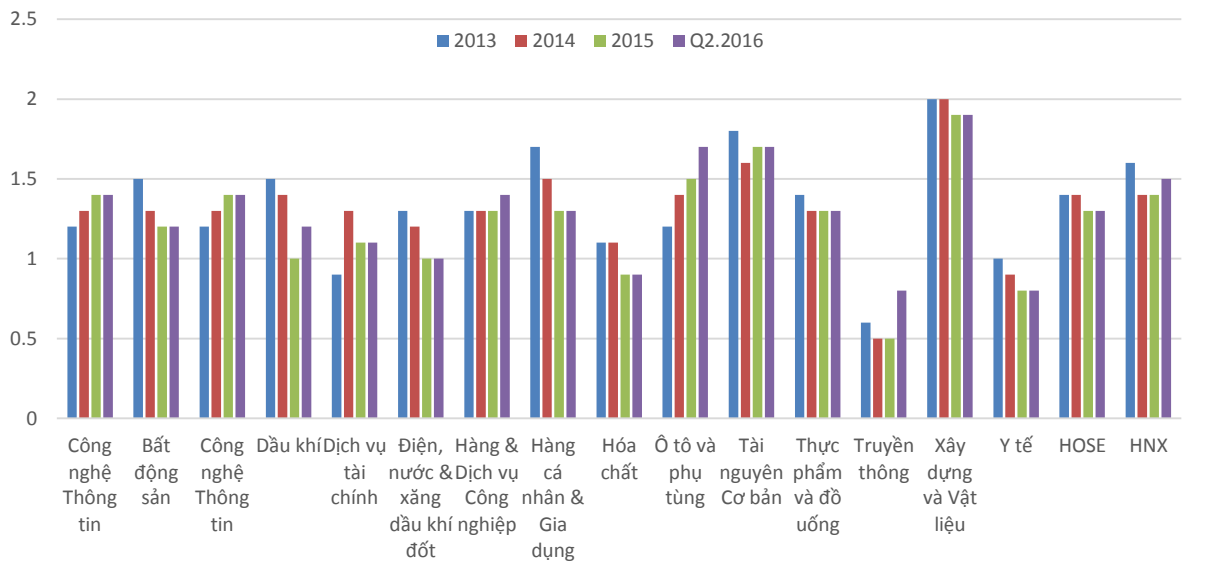
- Các cổ phiếu thuộc nhóm ngành truyền thông, y tế và hóa chất có tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu thấp nhất. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho khối ngoại có tỷ lệ nắm giữ lớn ở những nhóm ngành này, đặc biệt là ngành dược (y tế).
- Giữa hai sàn HOSE và HNX có sự khác biệt với tỷ lệ nợ/VCSH do một phần các doanh nghiệp vừa và nhỏ bên sàn HNX nhiều hơn và các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành xây dựng và tài nguyên chiếm tỷ trọng lớn.

Biểu đồ 9: Tỷ lệ nợ/VCSH các ngành trên hai sàn HOSE và HNX



- Trong biểu đồ bên dưới không có sự thay đổi đáng kể về tỷ lệ nợ trên vốn của các ngành qua các năm ngoài nhóm ngành bất động sản và Ô tô & phụ tùng. Một cái nhìn chung là qua các năm tình hình nợ của các doanh nghiệp đã bớt áp lực hơn dù một số ngành vẫn ở mức cao như xây dựng, ô tô, tài nguyên khoáng sản.

Biểu đồ 10: Nợ/VCSH các ngành từ 2013 đến nay



Kết quả kinh doanh 6T 2016

- Trong danh sách thống kê tổng hợp không bao gồm cổ phiếu KDC ra do sự chênh lệch lợi nhuận quá lớn giữa hai năm sẽ không phản ánh được tính tổng thể của cả thị trường.
- Các nhóm ngành có lợi nhuận tăng trưởng tốt nổi bật năm nay là bán lẻ, bất động sản, hàng cá nhân, tài nguyên, thực phẩm, truyền thông với lợi nhuận tăng trưởng trung bình trên 40%. Nhóm ngành tài nguyên nổi bật ở phân ngành thép với các cổ phiếu HPG, HSG, NKG, TLH đều tăng trưởng lợi nhuận. Ở các ngành còn lại chỉ có vài cổ phiếu đầu ngành hoạt động hiệu quả như MWG của ngành *bán lẻ*, PNJ, TLG của *ngành hàng cá nhân & gia dụng*.
- Ngành BĐS với hơn 2/3 số doanh nghiệp có lợi nhuận tăng trưởng trên 50% trong đó có một số doanh nghiệp lớn nổi tiếng như VIC, KBC, KDH, NLG, SJS.
- Ngành ngân hàng không có sự tăng trưởng như kỳ vọng ngoài cổ phiếu lớn nhất VCB lợi nhuận tăng gần 40%.
- Nhóm ngành dầu khí, dịch vụ tài chính (chứng khoán), điện nước sụt giảm lợi nhuận trung bình đến hơn 40% so với cùng kỳ. Một vài doanh nghiệp vẫn giữ sự ổn định và tăng trưởng như PGS, NBP, BTP, HCM.

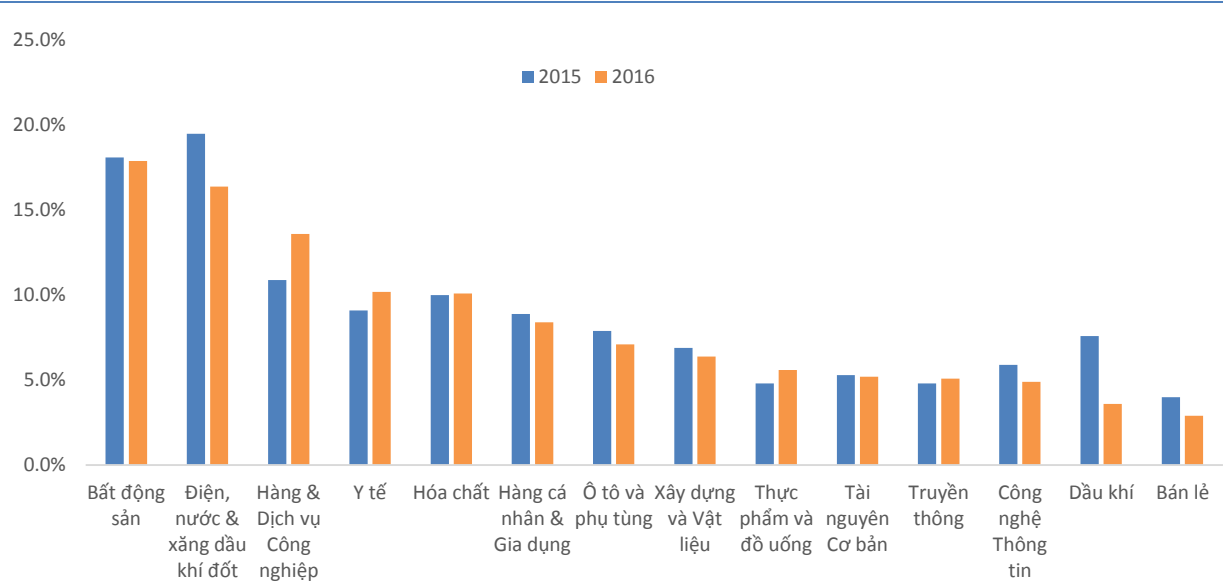
Biểu đồ 11: Thống kê lợi nhuận 6T hai sàn HOSE & HNX theo ngành

Ngành	Số DN	Lợi nhuận sau thuế (*)		+/-	Tăng trưởng
		6T2015 Tỷ VND	6T2016 Tỷ VND		
Bán lẻ	11	750.29	1,055.43	305.14	40.67%
Bảo hiểm	7	1,212.71	1,307.40	94.69	7.81%
Bất động sản	64	2,648.97	4,067.15	1,418.18	53.54%
Công nghệ Thông tin	21	1,033.63	1,099.07	65.44	6.33%
Dầu khí	5	2,092.33	726.02	(1,366.31)	-65.30%
Dịch vụ tài chính	23	1,082.83	397.45	(685.37)	-63.29%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	31	7,285.51	4,335.97	(2,949.54)	-40.48%
Du lịch và Giải trí	16	159.75	155.76	(3.99)	-2.50%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99	2,807.24	2,761.95	(45.29)	-1.61%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	791.80	1,182.68	390.87	49.37%
Hóa chất	37	2,569.49	2,452.58	(116.91)	-4.55%
Ngân hàng	9	11,953.63	12,434.11	480.48	4.02%
Ô tô và phụ tùng	10	1,022.44	631.46	(390.98)	-38.24%
Tài nguyên Cơ bản	54	2,635.76	4,389.25	1,753.49	66.53%
Thực phẩm và đồ uống	52	5,346.62	7,808.52	2,461.90	46.05%
Truyền thông	24	68.65	105.16	36.52	53.20%
Xây dựng và Vật liệu	160	3,581.49	4,119.95	538.46	15.03%
Y tế	18	636.56	749.17	112.61	17.69%
	668	47,043.13	49,029.92	1,986.80	4.22%

Biên lợi nhuận ròng các ngành

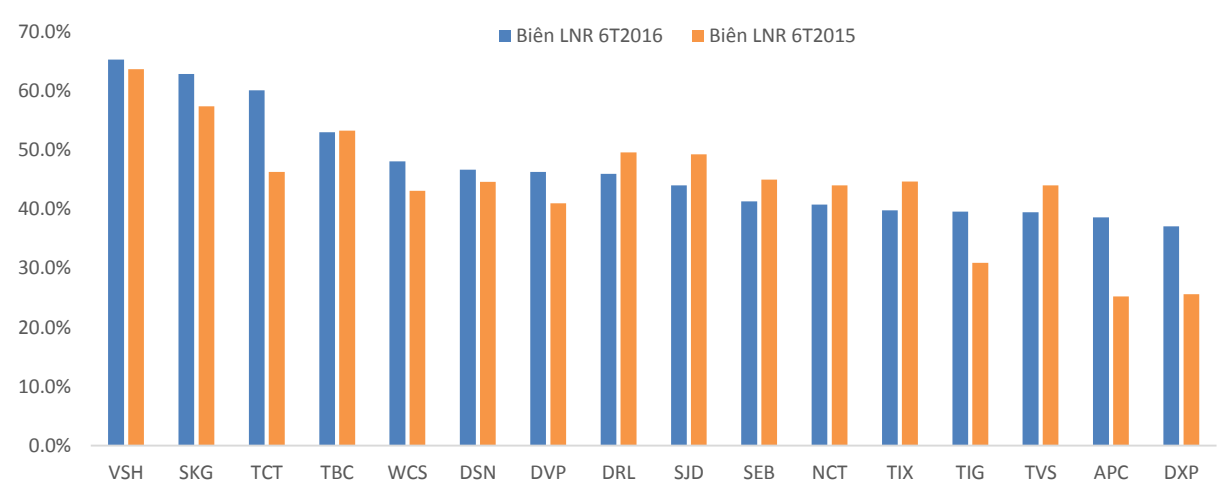
- Biên lợi nhuận ròng có sự sụt giảm chung ở các ngành so với cùng kỳ (số liệu được tính dựa trên biên LNR 6 tháng đầu năm 2015, 2016). Nổi bật là hai ngành dầu khí và điện nước và xăng dầu khí đốt. Hai nhóm ngành này đều có liên hệ mật thiết đến giá dầu vì vậy với việc giá dầu giảm trong năm nay đã tác động rất mạnh mẽ hai nhóm ngành này.
- Các ngành khác hầu như không khác biệt nhiều so với cùng kỳ tuy nhiên hầu hết là giảm nhẹ cho thấy hoạt động kinh doanh chung của nhóm công ty vừa và nhỏ là khó khăn hơn năm trước.

Biểu đồ 12: Biên lợi nhuận ròng các ngành



Các doanh nghiệp có biên lợi nhuận ròng cao (trên 30%) hầu hết đến từ nhóm ngành thủy điện, vận tải hành khách và dịch vụ như VSH, TBC, SKG, WCS, NCT, TCT, DSN. Một số doanh nghiệp vận tải hưởng lợi từ giá nhiên liệu rẻ có biên lợi nhuận tăng trưởng như SKG, TCT.

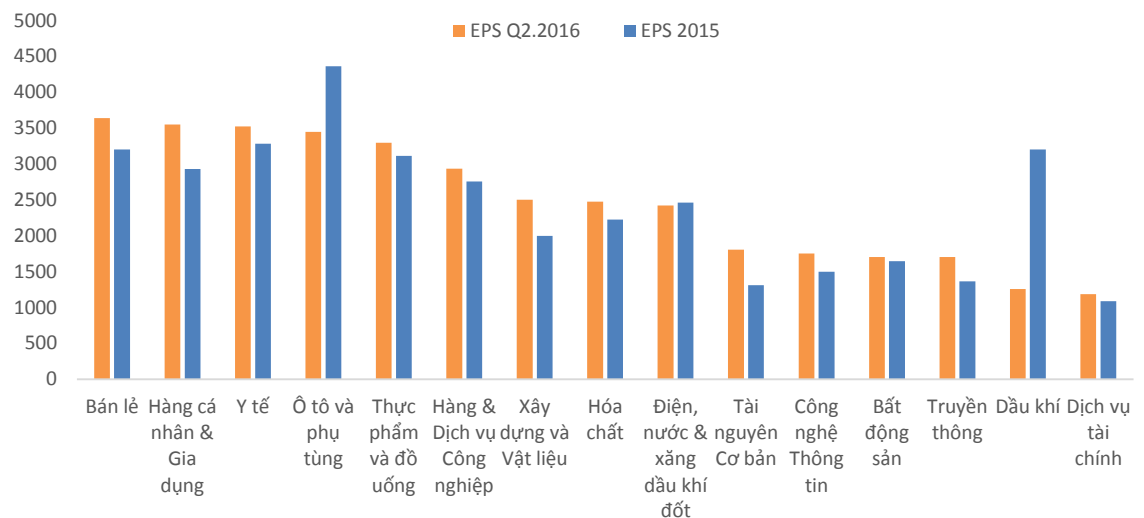
Biểu đồ 13: Một số CP có biên lợi nhuận ròng cao trong hai năm gần nhất



EPS ngành

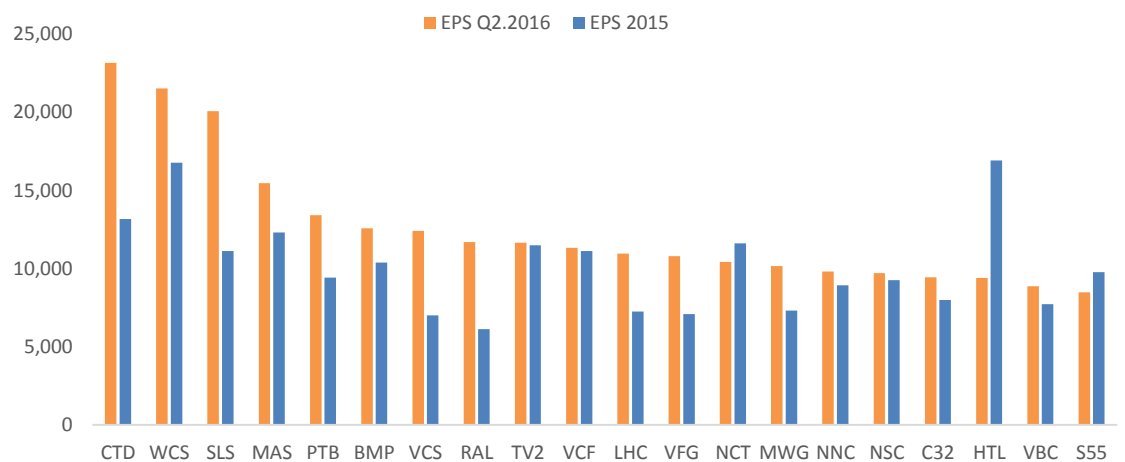
- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải và nhóm ngành xây dựng vật liệu có sự tăng trưởng EPS cao hơn các ngành khác. Nhóm ngành thép thuộc nhóm ngành tài nguyên cũng có EPS cao hơn 30% do hưởng lợi từ việc áp thuế và nguyên liệu rẻ. Điều này cũng tương đồng với các thống kê về tăng trưởng lợi nhuận và biên lợi nhuận ròng ở trên.
- Ngoài ngành dầu khí có sự thụt lùi mạnh còn lại ngành ô tô cũng bị sụt giảm EPS cũng khá lớn do một phần áp lực tăng trưởng từ năm ngoái. Năm nay dù EPS thấp hơn vẫn nằm trong những nhóm ngành có EPS cao nhất thị trường.

Biểu đồ 14: EPS ngành 2015 và Q2.2016 (4 quý gần nhất)



- Các cổ phiếu có EPS cao nhất hầu hết đến từ ngành xây dựng và vật liệu như CTD, PTB, BMP, VCS, NNC, C32, S55. Chỉ có cổ phiếu MWG duy nhất thuộc nhóm ngành bán lẻ nhờ áp dụng các ứng dụng công nghệ trong việc quản lý và bán hàng để tạo tỷ suất lợi nhuận cao nhất.

Biểu đồ 15: Top cổ phiếu có EPS cao nhất



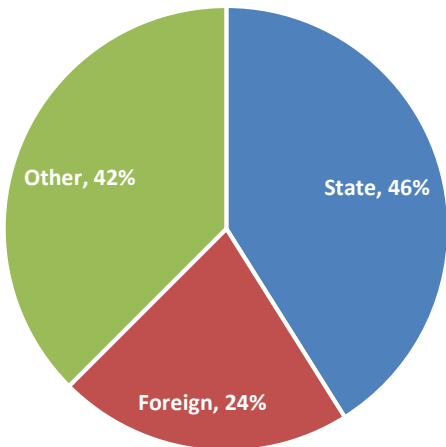
Những cổ phiếu nổi bật 6 tháng 2016

Mã	Sàn	Vốn hóa	Lợi nhuận ròng		Tăng trưởng Lợi nhuận	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
			6T2015	6T2016						
		Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND	%	VND	lần	lần	%	%
VNM	HOSE	210,461.69	3,742.0	4,972.6	32.88%	7,496.33	23.21	9.13	41.9%	32.1%
HPG	HOSE	35,763.34	1,888.0	3,047.8	61.43%	6,338.18	7.70	2.05	30.2%	18.0%
MWG	HOSE	22,136.28	452.7	834.4	84.31%	10,148.36	14.88	7.15	54.7%	20.7%
CTD	HOSE	10,668.32	215.2	595.5	176.70%	23,153.47	9.85	3.02	31.7%	13.8%
HSG	HOSE	8,195.71	359.6	866.0	140.80%	6,250.59	6.67	2.22	36.5%	13.1%
BMP	HOSE	7,276.56	274.2	345.5	25.99%	12,564.70	12.73	3.45	27.5%	23.9%
VCS	HNX	6,338.71	157.5	297.6	88.93%	12,416.01	11.83	5.33	51.1%	20.2%
TLG	HOSE	4,214.39	89.2	136.2	52.65%	6,101.61	18.03	4.70	27.4%	17.8%
TRA	HOSE	3,868.75	76.5	100.6	31.49%	5,906.64	18.96	4.34	21.6%	15.6%
SKG	HOSE	3,341.45	89.1	118.9	33.42%	6,798.92	14.34	5.48	38.0%	37.2%
DMC	HOSE	3,194.93	67.3	81.1	20.52%	4,505.49	20.42	3.09	19.8%	16.2%
CAV	HOSE	3,168.00	78.4	123.9	57.96%	7,450.56	14.76	4.90	35.0%	10.9%
PTB	HOSE	2,322.08	69.2	106.0	53.25%	13,411.30	9.62	3.83	39.0%	15.6%
LIX	HOSE	1,927.80	67.8	83.8	23.62%	6,092.15	9.77	2.90	44.2%	26.4%
KSB	HOSE	1,544.40	64.7	89.9	38.89%	8,367.24	7.89	2.73	27.7%	17.7%
NNC	HOSE	1,397.42	50.1	90.8	81.19%	9,804.35	8.67	3.79	53.3%	39.4%
CSV	HOSE	1,295.06	64.6	92.0	42.46%	3,646.16	8.04	2.04	25.2%	15.8%
GIL	HOSE	868.29	28.5	63.5	122.97%	7,317.93	8.54	1.92	24.4%	10.9%
CLC	HOSE	825.54	39.0	47.7	22.29%	8,420.61	7.48	2.47	33.4%	13.1%
GDT	HOSE	764.51	22.3	32.7	46.81%	6,714.78	8.79	3.25	32.8%	23.5%
SLS	HNX	731.00	48.2	105.8	119.53%	20,069.15	5.36	2.71	58.5%	40.3%
C32	HOSE	711.20	40.6	49.3	21.47%	9,446.09	6.72	2.03	32.2%	23.7%
CVT	HNX	698.88	27.3	59.2	117.33%	4,939.20	7.37	2.38	32.4%	10.2%
TCT	HOSE	677.76	54.0	65.8	21.68%	5,474.63	9.68	2.56	28.5%	27.0%
INN	HNX	604.80	26.2	31.9	21.83%	5,992.17	9.35	2.30	25.7%	16.9%
THG	HOSE	545.00	26.2	37.2	42.07%	6,821.23	7.99	2.64	33.1%	11.2%
ST8	HOSE	496.62	23.9	33.3	39.68%	3,521.71	7.13	1.53	16.2%	14.0%

Hoạt động giao dịch của nhà đầu tư NN

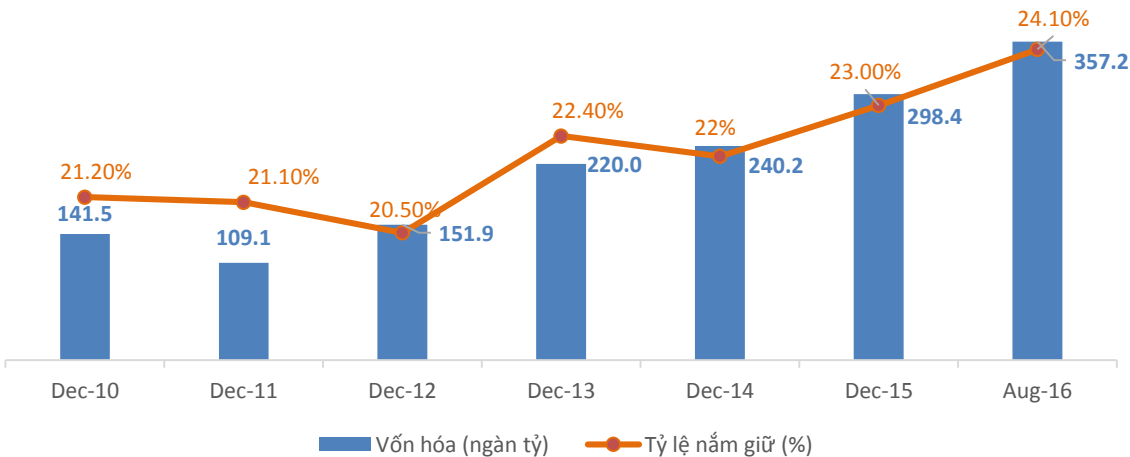
- Khối ngoại chỉ nắm giữ 24% về vốn hóa trên cả hai sàn chứng khoán trong đó số doanh nghiệp nắm giữ tỷ lệ trên 20% chiếm khoảng 130 trên tổng số 600. So với tỷ trọng nắm giữ của nhà nước thì khối ngoại chiếm khá thấp. Vì vậy khi hoạt động thoái vốn và nói room trong thời gian tới được tiến hành thì tỷ lệ nắm giữ của khối ngoại có thể vượt qua 30%.

Biểu đồ 16: PE và P/Bv các ngành tại thời điểm 8.2016 (đã cập nhật KQ Q.2)



- Giá trị vốn hóa cổ phiếu do khối ngoại nắm giữ đã tăng hơn gấp 3 lần sau 5 năm do (1) giá trị cổ phiếu nắm giữ tăng lên đặc biệt là ở những cổ phiếu như VNM, DHG, FPT, VIC, MWG .. (2) khối ngoại mua thêm các doanh nghiệp niêm yết trong đó có một số cổ phiếu ngân hàng.
- Tỷ lệ nắm giữ của khối ngoại từ mức bình quân 21% từ 2010 đến 2014 đã tăng dần rất nhanh trong năm 2016 lên 24.1% sau khi một số công ty mở room khởi đầu là ở các công ty chứng khoán.

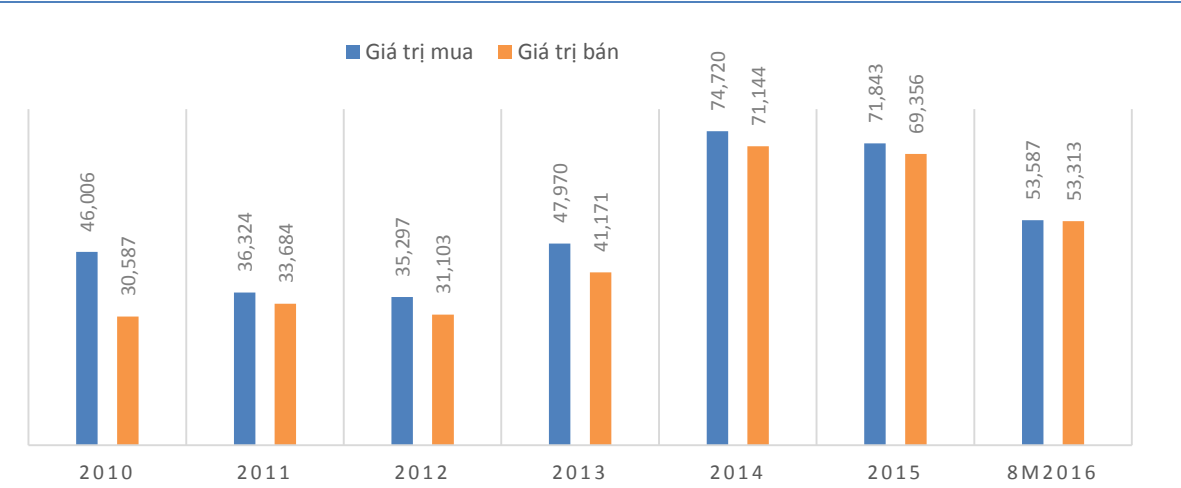
Biểu đồ 17: Sở hữu NN theo tỷ lệ và giá trị vốn hóa



Giao dịch mua bán của khối ngoại từ 2010 đến nay

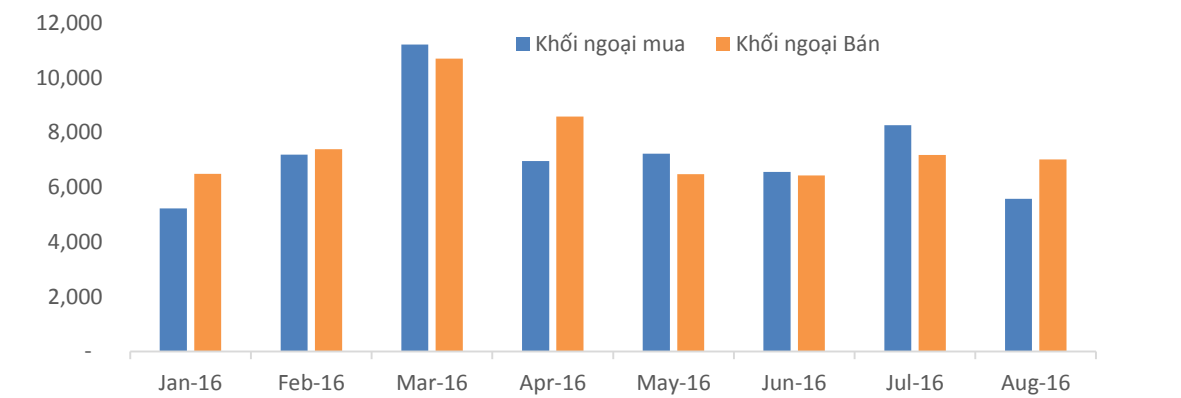
- Trong 5 năm gần nhất khối ngoại duy trì mua ròng từ 3 đến 5 ngàn tỷ đồng mỗi năm. Như thống kê ở trên, do khối ngoại nắm giữ cổ phiếu khá tập trung vì vậy hoạt động giao dịch hàng ngày cũng giới hạn trong 30-50 cổ phiếu nhưng với khối lượng giao dịch lớn.
- Kể từ 2014 hoạt động giao dịch của khối ngoại gia tăng mạnh mẽ đặc biệt là sau sự kiện biến động. Giá trị mua bán đã tăng 80% so với các năm trước và dự báo năm nay giá trị mua bán có thể đạt trên 160 ngàn tỷ.

Biểu đồ 18: Giá trị mua bán khối ngoại từ 2010 (tỷ VND)



- Năm 2016 các nhóm ngành ngân hàng và dầu khí đã chứng lại trong khi đó khối ngoại đang nắm giữ cổ phiếu rất lớn ở hai nhóm ngành này vì vậy đã có xu hướng bán ra nhiều hơn mua vào. Ngoài ra một yếu tố cũng đáng lưu ý là PE năm nay của nhóm cổ phiếu blue chip đã ở mức cao trên 18 (là nhóm khối ngoại nắm giữ chủ yếu) vì vậy xu hướng khối ngoại đã cơ cấu danh mục mạnh mẽ tạo sự cân bằng giữa mua và bán
- Theo thống kê mới nhất chỉ trong tháng 8.2016 khối ngoại đã có chuỗi bán ròng liên tục hơn 1,200 tỷ đồng và hoạt động này vẫn còn tiếp tục. Các cổ phiếu được khối ngoại bán nhiều nhất là VNM, VIC, MSN.

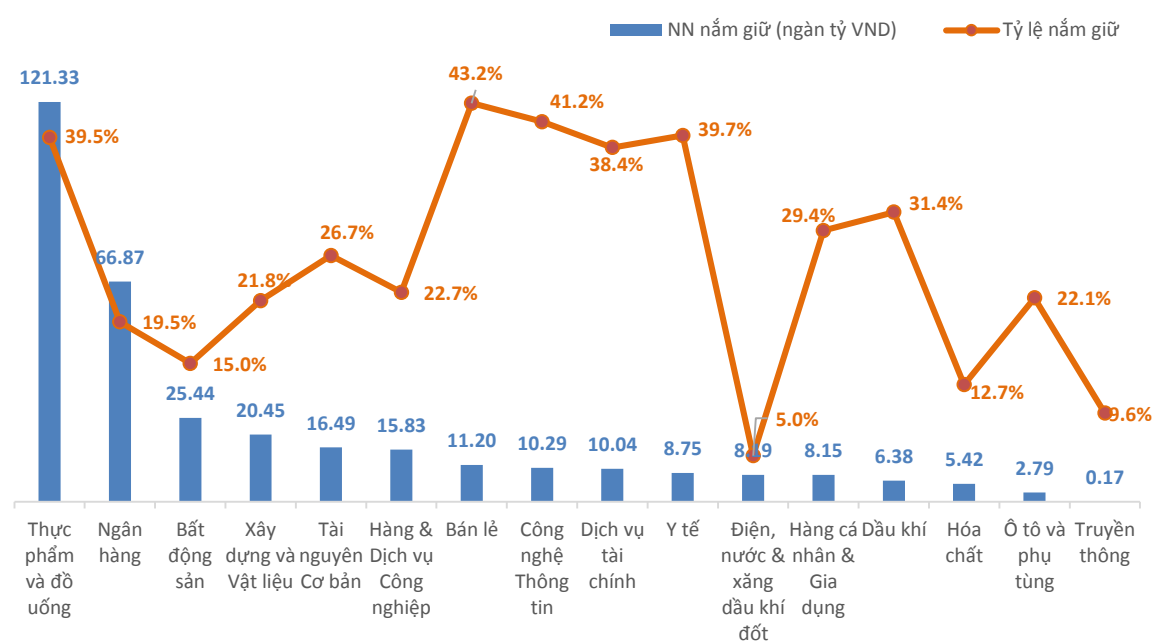
Biểu đồ 19: Giao dịch trong năm 2016 (tỷ VND)



Nhóm ngành và tỷ lệ khối ngoại nắm giữ nhiều nhất

- Các nhóm ngành khối ngoại nắm giữ nhiều nhất là **Bán lẻ, Công nghệ thông tin, chứng khoán, Y tế, thực phẩm và dầu khí**.
- Ở nhóm ngành bán lẻ, công nghệ thông tin, và thực phẩm khối ngoại chỉ nắm giữ các cổ phiếu đầu ngành như VNM, FPT, MWG. Ở các nhóm ngành như y tế, ngân hàng, bất động sản tỷ lệ nắm giữ có sự phân bố đều hơn.
- Về giá trị nắm giữ theo vốn hóa thì ngành bán lẻ với đại diện lớn nhất là VNM vẫn là cổ phiếu được khối ngoại yêu thích nhất, tiếp sau là cổ phiếu ngân hàng. Với tỷ lệ giới hạn 30% thì việc nắm giữ gần 20% của khối ngoại là khá lớn.
- Ở nhóm ngành bất động sản thì giá trị nắm giữ nhiều nhất ở các cổ phiếu VIC, KBC, KDH, NLG, DXG, NBB, TDH.
- Nhóm ngành Xây dựng & vật liệu khối ngoại nắm giữ trải rộng hơn ở nhiều cổ phiếu lớn như CII, BMP, CTD, NTP, GTN, HBC, SII, FCN, TCR.

Biểu đồ 20: Tỷ lệ % khối ngoại nắm giữ và giá trị vốn hóa theo ngành hiện tại



TOP cổ phiếu khối ngoại nắm giữ nhiều nhất

- Nhóm cổ phiếu nắm giữ nhiều nhất của khối ngoại không thay đổi nhiều trong các năm qua với chủ yếu là VNM, VCB, CTG, MSN, VIC, MWG, BVH, FPT, REE, DHG, SSI, ACB, BMP
- Ngoại trừ MSN, PVD có sự sụt giảm về giá trị, hầu hết các cổ phiếu còn lại đều tăng trưởng đều qua từng năm về hoạt động kinh doanh lẫn thị giá cổ phiếu trên sàn. Năm nay các ngôi sao xuất sắc có VNM, MWG, HPG, FPT, CTD, BMP, PNJ.

	Tỷ lệ nắm giữ	NN nắm giữ	EPS 2015	EPS Q2.2016
VNM	48.74%	99,042.19	5834	6240
VCB	21.26%	30,312.21	1635	2357
CTG	29.99%	19,206.36	1224	1633
MSN	29.64%	14,566.55	1980	2877
HPG	37.17%	13,211.51	4755	6338
VIC	11.70%	11,815.45	651	1141
MWG	49.00%	10,846.78	7297	10148
BVH	25.05%	10,142.26	1572	1744
FPT	49.00%	9,340.77	4379	4177
SSI	58.49%	6,008.51	1686	1739
MBB	20.00%	4,828.30	1467	1672
ACB	30.00%	4,705.44	1043	1253
CTD	41.80%	4,322.45	13170	23153
DHG	49.00%	4,089.75	6131	7226
BMP	49.00%	3,454.09	10383	12565
PNJ	49.00%	3,370.79	1395	3823
PVD	35.03%	3,304.09	4776	2042
CII	49.00%	3,131.63	2597	1221
REE	49.00%	3,068.88	3164	2303
PVS	29.91%	2,899.30	3397	2884
PVI	49.00%	2,834.49	2360	2515
DPM	24.11%	2,707.86	3336	3920
KDH	46.49%	2,251.05	1375	2204
HSG	27.67%	2,131.80	5258	6251
GMD	30.07%	1,553.91	3171	2145



Chúng tôi chỉ sử dụng trong báo cáo này những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư. Tài liệu này sẽ không được coi là một hình thức chào bán hoặc lôi kéo khách hàng đầu tư vào bất kì cổ phiếu nào. Công ty SBS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. SBS sẽ không chịu trách nhiệm với bất kì thông tin nào không nằm trong phạm vi báo cáo này. Nhà đầu tư phải cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và SBS hoàn toàn không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp và sẽ không được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, nghiêm cấm bất kì sự sao chép và phân phối lại đối với tài liệu này.

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Thương Tín (Hội sở)

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3 TP HCM Việt Nam

Tel: +84 (8) 6268 6868 Fax: +84 (8) 6255 5957 www.sbsc.com.vn

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Trưởng phòng: Nguyễn Hồng Khanh

Email: khanh.nghe@sbsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6-7, 88 Lý Thường Kiệt Quận Hoàn

Kiểm Hà Nội Việt Nam

Tel: +84 (4) 3942 8076

Fax: +84 (8) 3942 8075

Email: hanoi@sbsc.com.vn

Chi nhánh Sài Gòn

Lầu 6 - số 177-179-181 Nguyễn Thái Học,

P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 38 65 65

Fax: (08) 38 38 64 16